

**BỘ NỘI VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9836 /BNV-CCVC

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

V/v triển khai CSDLQG về  
CBCCVC theo mô hình tổ  
chức mới

TRƯỞNG CAO ĐẲNG LÝ TƯỞNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 945  
Ngày: 13/11/2025  
Chuyển: .....  
Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi: Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Theo yêu cầu tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW<sup>1</sup>, Nghị quyết số 71/NQ-CP<sup>2</sup> và Kết luận của Tổng Bí thư, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thì Cơ sở dữ liệu Quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước (CSDLQG về CBCCVC) phải bảo đảm duy trì hoạt động “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung” kết nối với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Dân cư và Cơ sở dữ liệu về tổ chức Đảng, đảng viên, cán bộ, công chức; đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia, hoàn thành trong tháng 12/2025.

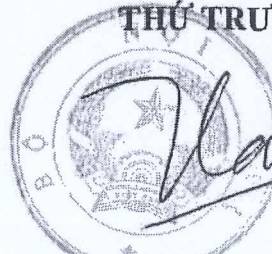
Đến nay, các bộ, ngành, địa phương đã kết nối, đồng bộ cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức về CSDLQG về CBCCVC (kèm theo phụ lục); Bộ Nội vụ đã có các Công văn số 4210/BNV-CCVC ngày 24/6/2025, số 5034/BNV-CCVC ngày 11/7/2025, số 7747/BNV-CCVC ngày 10/9/2025, số 8045/BNV-CCVC ngày 17/9/2025 và số 9281/BNV-CCVC ngày 12/10/2025 gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đến ngày 27/10/2025 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mới đồng bộ được 251 hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý đã phê duyệt, đồng bộ về CSDLQG về CBCCVC. Vì vậy, Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khẩn trương đồng bộ dữ liệu về CSDLQG về CBCCVC bảo đảm “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung” trước ngày 10/11/2025 để kết nối với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Dân cư theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn đồng chí./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BCĐTW về PTKH, CN, ĐMST và CDS (để báo cáo);
- TT Tổ giúp việc BCĐTW về PTKH, CN, ĐMST và CDS (để phối hợp);
- BCD của Chính phủ về PTKH, CN, ĐMST, CDS và Đề án 06 (để báo cáo);
- TT Tổ giúp việc Đề án 06 Bộ Công an (để phối hợp);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TTr Trương Hải Long;
- Sở Nội vụ TP HCM; ✓
- Lưu: VT, CCVC.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

  
Trương Hải Long

<sup>1</sup> Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

## SỐ LIỆU CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN Ở TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 9836/BNV-CCVC ngày 28 /10/2025 của Bộ Nội vụ)

| STT | Tên Bộ, ngành, cơ quan TW  | Số lượng hồ sơ đã đồng bộ về CSDLQG |                                 |                          |                                           | Số lượng hồ sơ đã phê duyệt, đã chuyển vào kho CSDLQG |                                 |                          |                                           | Số lượng hồ sơ đã đối chiếu với CSDLQG về Dân cư |                                 |                          |                                           | Ngày cập nhật gần nhất về CSDLQG |
|-----|----------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------|
|     |                            | Tổng                                | Số lượng hồ sơ cán bộ công chức | Số lượng hồ sơ viên chức | Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng | Tổng                                                  | Số lượng hồ sơ cán bộ công chức | Số lượng hồ sơ viên chức | Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng | Tổng                                             | Số lượng hồ sơ cán bộ công chức | Số lượng hồ sơ viên chức | Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng |                                  |
| 1   | UBND thành phố Cần Thơ     | 64,746                              | 6,214                           | 54,582                   | 3,950                                     | 64,746                                                | 6,214                           | 54,582                   | 3,950                                     | 4,748                                            | 350                             | 4,240                    | 158                                       | 25/10/2025 09:58:33              |
| 2   | UBND thành phố Huế         | 185                                 | 110                             | 58                       | 17                                        | 185                                                   | 110                             | 58                       | 17                                        | -                                                | -                               | -                        | -                                         | 25/10/2025 21:10:27              |
| 3   | UBND thành phố Hà Nội      | 9,928                               | 666                             | 9,095                    | 167                                       | 9,928                                                 | 666                             | 9,095                    | 167                                       | 292                                              | 10                              | 282                      | -                                         | 27/10/2025 09:47:19              |
| 4   | UBND thành phố Hải Phòng   | 76,614                              | 7,233                           | 69,357                   | 24                                        | 76,614                                                | 7,233                           | 69,357                   | 24                                        | 18,565                                           | 1,463                           | 17,083                   | 19                                        | 27/10/2025 09:46:36              |
| 5   | UBND thành phố Hồ Chí Minh | 251                                 | 1                               | 249                      | 1                                         | 251                                                   | 1                               | 249                      | 1                                         | -                                                | -                               | -                        | -                                         | 19/10/2025 23:10:03              |
| 6   | UBND thành phố Đà Nẵng     | 41,100                              | 4,217                           | 32,533                   | 4,350                                     | 41,100                                                | 4,217                           | 32,533                   | 4,350                                     | 18,817                                           | 1,767                           | 15,295                   | 1,755                                     | 24/10/2025 14:45:19              |
| 7   | UBND tỉnh An Giang         | 10                                  | 10                              | -                        | -                                         | 10                                                    | 10                              | -                        | -                                         | -                                                | -                               | -                        | -                                         | 24/09/2025 17:18:36              |
| 8   | UBND tỉnh Bắc Ninh         | 12                                  | 12                              | -                        | -                                         | 12                                                    | 12                              | -                        | -                                         | -                                                | -                               | -                        | -                                         | 10/10/2025 13:45:59              |
| 9   | UBND tỉnh Cao Bằng         | 15,552                              | 2,845                           | 11,997                   | 710                                       | 15,552                                                | 2,845                           | 11,997                   | 710                                       | 2,194                                            | 258                             | 1,861                    | 75                                        | 23/10/2025 22:43:21              |
| 10  | UBND tỉnh Cà Mau           | 19,089                              | 1,657                           | 17,431                   | 1                                         | 19,089                                                | 1,657                           | 17,431                   | 1                                         | 4,089                                            | 402                             | 3,686                    | 1                                         | 23/10/2025 08:24:09              |
| 11  | UBND tỉnh Điện Biên        | 6                                   | 3                               | 3                        | -                                         | 6                                                     | 3                               | 3                        | -                                         | 2                                                | 1                               | 1                        | -                                         | 15/10/2025 16:57:08              |

| STT | Tên Bộ, ngành, cơ quan TW | Số lượng hồ sơ đã đồng bộ về CSDLQG |                                 |                          |                                           | Số lượng hồ sơ đã phê duyệt, đã chuyển vào kho CSDLQG |                                 |                          |                                           | Số lượng hồ sơ đã đối chiếu với CSDLQG về Dân cư |                                 |                          |                                           | Ngày cập nhật gần nhất về CSDLQG |
|-----|---------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------|
|     |                           | Tổng                                | Số lượng hồ sơ cán bộ công chức | Số lượng hồ sơ viên chức | Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng | Tổng                                                  | Số lượng hồ sơ cán bộ công chức | Số lượng hồ sơ viên chức | Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng | Tổng                                             | Số lượng hồ sơ cán bộ công chức | Số lượng hồ sơ viên chức | Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng |                                  |
| 12  | UBND tỉnh Đắk Lắk         | 1                                   | 1                               | -                        | -                                         | 1                                                     | 1                               | -                        | -                                         | -                                                | -                               | -                        | -                                         | 26/10/2025 15:33:38              |
| 13  | UBND tỉnh Đồng Nai        | 506                                 | 63                              | 425                      | 18                                        | 506                                                   | 63                              | 425                      | 18                                        | 1                                                | -                               | 1                        | -                                         | 12/10/2025 15:11:54              |
| 14  | UBND tỉnh Đồng Tháp       | 59,874                              | 7,004                           | 51,987                   | 883                                       | 59,874                                                | 7,004                           | 51,987                   | 883                                       | 6,243                                            | 1,105                           | 5,088                    | 50                                        | 27/10/2025 09:49:28              |
| 15  | UBND tỉnh Gia Lai         | 15,401                              | 784                             | 14,310                   | 307                                       | 15,401                                                | 784                             | 14,310                   | 307                                       | -                                                | -                               | -                        | -                                         | 16/10/2025 13:52:21              |
| 16  | UBND tỉnh Hà Tĩnh         | 25,668                              | 3,434                           | 21,723                   | 511                                       | 25,668                                                | 3,434                           | 21,723                   | 511                                       | 3,907                                            | 432                             | 3,336                    | 139                                       | 27/10/2025 08:52:12              |
| 17  | UBND tỉnh Hưng Yên        | 52,772                              | 3,984                           | 46,633                   | 2,155                                     | 52,772                                                | 3,984                           | 46,633                   | 2,155                                     | 7,214                                            | 539                             | 6,336                    | 339                                       | 23/10/2025 16:38:16              |
| 18  | UBND tỉnh Khánh Hoà       | 7                                   | 7                               | -                        | -                                         | 7                                                     | 7                               | -                        | -                                         | -                                                | -                               | -                        | -                                         | 24/10/2025 09:47:20              |
| 19  | UBND tỉnh Lai Châu        | 14,000                              | 1,684                           | 11,723                   | 593                                       | 14,000                                                | 1,684                           | 11,723                   | 593                                       | -                                                | -                               | -                        | -                                         | 27/10/2025 09:40:48              |
| 20  | UBND tỉnh Lào Cai         | 1,114                               | 1,097                           | 10                       | 7                                         | 1,114                                                 | 1,097                           | 10                       | 7                                         | 102                                              | 100                             | 1                        | 1                                         | 09/10/2025 09:17:35              |
| 21  | UBND tỉnh Lâm Đồng        | 879                                 | 170                             | 537                      | 172                                       | 879                                                   | 170                             | 537                      | 172                                       | 6                                                | 6                               | -                        | -                                         | 26/10/2025 22:55:20              |
| 22  | UBND tỉnh Lạng Sơn        | 24,130                              | 3,197                           | 20,906                   | 27                                        | 24,130                                                | 3,197                           | 20,906                   | 27                                        | 1,969                                            | 281                             | 1,683                    | 5                                         | 27/10/2025 09:02:50              |
| 23  | UBND tỉnh Nghệ An         | 70,788                              | 6,701                           | 62,837                   | 1,250                                     | 70,788                                                | 6,701                           | 62,837                   | 1,250                                     | 7,124                                            | 596                             | 6,418                    | 110                                       | 27/10/2025 09:45:22              |
| 24  | UBND tỉnh Ninh Bình       | 68,095                              | 6,768                           | 60,996                   | 331                                       | 68,095                                                | 6,768                           | 60,996                   | 331                                       | 70                                               | 18                              | 52                       | -                                         | 15/10/2025 08:03:03              |

| STT        | Tên Bộ, ngành, cơ quan TW | Số lượng hồ sơ đã đồng bộ về CSDLQG |                                 |                          |                                           | Số lượng hồ sơ đã phê duyệt, đã chuyển vào kho CSDLQG |                                 |                          |                                           | Số lượng hồ sơ đã đối chiếu với CSDLQG về Dân cư |                                 |                          |                                           | Ngày cập nhật gần nhất về CSDLQG |
|------------|---------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------|
|            |                           | Tổng                                | Số lượng hồ sơ cán bộ công chức | Số lượng hồ sơ viên chức | Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng | Tổng                                                  | Số lượng hồ sơ cán bộ công chức | Số lượng hồ sơ viên chức | Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng | Tổng                                             | Số lượng hồ sơ cán bộ công chức | Số lượng hồ sơ viên chức | Số lượng hồ sơ người lao động ký hợp đồng |                                  |
| 25         | UBND tỉnh Phú Thọ         | 88,627                              | 10,045                          | 76,397                   | 2,185                                     | 88,627                                                | 10,045                          | 76,397                   | 2,185                                     | 17,683                                           | 1,571                           | 15,761                   | 351                                       | 26/10/2025 19:57:17              |
| 26         | UBND tỉnh Quảng Ngãi      | 43,100                              | 4,839                           | 36,757                   | 1,504                                     | 43,100                                                | 4,839                           | 36,757                   | 1,504                                     | 2,717                                            | 228                             | 2,424                    | 65                                        | 26/10/2025 15:58:02              |
| 27         | UBND tỉnh Quảng Ninh      | 20,683                              | 1,929                           | 15,897                   | 2,857                                     | 20,683                                                | 1,929                           | 15,897                   | 2,857                                     | 1                                                | -                               | 1                        | -                                         | 27/10/2025 09:47:23              |
| 28         | UBND tỉnh Quảng Trị       | 4,498                               | 413                             | 4,050                    | 35                                        | 4,498                                                 | 413                             | 4,050                    | 35                                        | -                                                | -                               | -                        | -                                         | 27/10/2025 09:19:10              |
| 29         | UBND tỉnh Sơn La          | 28,548                              | 2,559                           | 25,871                   | 118                                       | 28,548                                                | 2,559                           | 25,871                   | 118                                       | 4,360                                            | 421                             | 3,939                    | -                                         | 11/10/2025 15:23:07              |
| 30         | UBND tỉnh Thanh Hóa       | 30,926                              | 2,113                           | 28,051                   | 762                                       | 30,926                                                | 2,113                           | 28,051                   | 762                                       | 3,073                                            | 169                             | 2,866                    | 38                                        | 16/10/2025 16:16:00              |
| 31         | UBND tỉnh Thái Nguyên     | 37,963                              | 4,095                           | 32,240                   | 1,628                                     | 37,963                                                | 4,095                           | 32,240                   | 1,628                                     | 4,544                                            | 248                             | 4,106                    | 190                                       | 21/10/2025 11:03:57              |
| 32         | UBND tỉnh Tuyên Quang     | 42,842                              | 6,068                           | 36,354                   | 420                                       | 42,842                                                | 6,068                           | 36,354                   | 420                                       | 5,386                                            | 855                             | 4,495                    | 36                                        | 27/10/2025 09:49:20              |
| 33         | UBND tỉnh Tây Ninh        | 43,679                              | 5,031                           | 38,585                   | 63                                        | 43,679                                                | 5,031                           | 38,585                   | 63                                        | 3,350                                            | 470                             | 2,875                    | 5                                         | 27/10/2025 09:50:22              |
| 34         | UBND tỉnh Vĩnh Long       | 5,320                               | 254                             | 5,026                    | 40                                        | 5,320                                                 | 254                             | 5,026                    | 40                                        | -                                                | -                               | -                        | -                                         | 23/10/2025 23:54:13              |
| Tổng cộng: |                           | 906,914                             | 95,208                          | 786,620                  | 25,086                                    | 906,914                                               | 95,208                          | 786,620                  | 25,086                                    | 116,457                                          | 11,290                          | 101,830                  | 3,337                                     |                                  |

